TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018-HNGĐ- ST
Ngày: 11/4/2018
V/v " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Tin

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bẩy- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 47/2018/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc *" ly hôn* ".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐ ST- HNGĐ ngày 04/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn M, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1986

ĐKHKTT: Thôn T, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương

Hiện ở: Thôn L, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Anh M có mặt, chị L vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn là anh Phạm Văn M trình bày: anh và chị Lê Thị L được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/3/2008. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ năm 2011 anh đi lao động ở Đài Loan, vợ chồng sống xa cách, hai bên đã nảy sinh hiểu nhầm, không còn tin tưởng vào tình cảm của nhau. Chị L ở nhà lại có

mối quan hệ không đúng mực với người đàn ông khác. Anh và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị L không nghe. Việc anh khai chị L có mối quan hệ với người đàn ông khác anh cũng chỉ nghe được mà không có căn cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Từ tháng 01 năm 2017 anh kết thúc hợp đồng lao động trở về nhà, cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 2 năm 2017 đến nay. Anh cũng không đến tìm gặp chị L để vợ chồng nói chuyện hòa giải mâu thuẫn. Kể từ đó đến nay anh và chị L sống ly thân mỗi người một nơi, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Năm 2017 anh và chị L đã làm thủ tục chia tài sản chung của vợ chồng tại Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị L.

Bị đơn là chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh M được tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn như anh M khai là đúng. Chị xác định vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quãng thời gian anh M đi lao động ở Đài Loan từ năm 2012 đến đầu năm 2017, vợ chồng sống xa cách nên hai bên đã nảy sinh ra hiểu nhầm, không còn tin tưởng vào tình cảm của nhau. Đến đầu năm 2017 anh M kết thúc hợp đồng trở về nhà nhưng cuộc sống vợ chồng lại thường xuyên xảy ra cãi nhau, không còn hạnh phúc. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 2 năm 2017 đến nay. Anh M cũng chưa lần nào đến tìm gặp chị để nói chuyện hòa giải mâu thuẫn. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Năm 2017 anh chị đã giải quyết xong việc phân chia tài sản chung tại Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn được như trước và khả năng đoàn tụ là khó xảy ra. Tuy nhiên chị vẫn mong có thời gian khoảng 1- 2 tháng để suy nghĩ nếu vợ chồng không về được với nhau thì chị mới đồng ý ly hôn. Sau này chị có ý kiến đề nghị Tòa án sớm giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh M.

Về con chung: Anh M và chị L cùng xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh M và chị L đã được giải quyết xong nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh M vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị L. Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị

đơn không chấp hành đúng theo quy định của Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng: Kkhoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn M được ly hôn chị Lê Thị L.

Về con chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Về tài sản chung,công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Văn M phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là chị Lê Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn M và chị Lê Thị L có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D vào ngày 03/3/2008 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do hoàn cảnh hai bên sống xa cách một thời gian dài từ năm 2011 đến năm 2017, nên đã nảy sinh ra nhiều mâu thuẫn hiểu nhầm, không còn tin tưởng vào tình cảm của nhau. Vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cuộc sống không còn hạnh phúc. Anh M khai chị L có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nhưng anh cũng chỉ nghe mà không cung cấp được cho Tòa án căn cứ hay tài liệu để chứng minh nên không có cơ sở để đánh giá. Thực tế hiện nay anh chị sống ly thân, hai bên cắt đứt quan hệ tình cảm và độc lập về kinh tế. Chị L cũng nhận thấy khả năng đoàn tụ giữa chị và anh M là khó xảy ra. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh M và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh M, xử cho anh được ly hôn chị L là có căn cứ.

Về con chung: Anh M và chị L không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh M và chị L không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn M được ly hôn chị Lê Thị L.

2. Về con chung: Không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn M có nghĩa vụ nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001457 ngày 24/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Anh M đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thụy